

**Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST**

**Ngày 19 tháng 10 năm 2022**

*"V/v Hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Tạ Hồng Tuấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Phùng Văn Thị và ông Kiều Công Ích

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ:** Bà Hoàng Thị thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 119/2022/TB-TA ngày 03 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị P** - Sinh năm 1983

Nơi c- trú: Khu 5, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh **Vi Mạnh H** - Sinh năm 198

Nơi đăng ký thường trú: Khu 9, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nơi ở hiện nay: Khu 5, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ

*Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn chị Đỗ Thị P vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị P trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

- Chị và anh Vi Mạnh H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 22/9/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với gia đình anh H đ- ợc khoảng 01 tháng thì bố mẹ đẻ chị cho đất ở khu 5, xã S và vợ chồng làm nhà sinh sống tại khu 5 xã S, huyện T từ đó cho đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra bất đồng mâu thuẫn về cách sống, anh H sinh ra l- ờ đề và th- ờng r- ợu chè rồi về đánh chị, đập phá đồ đạc tài sản trong nhà, có lần chị phải nhờ đến Công an xã giải quyết và địa ph- ơng cũng đã nhiều lần can thiệp hòa giải nh- ư ng không kết quả, anh H vẫn không thay đổi, không quan tâm trách nhiệm đến gia đình. Cuộc sống vợ chồng

không hòa thuận, không có hạnh phúc. Mặc dù hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nh- ng không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn giữa chị với anh H đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm của chị với anh H không còn vì vậy chị yêu cầu đ- ợc ly hôn anh Vi Mạnh H.

- Về con chung: Chị Đỗ Thị P trình bày chị và anh Vi Mạnh H có với nhau 02 con chung là Vi Thị Ph- ơng N; sinh ngày 03/9/2006 và Vi Văn H; sinh ngày 06/3/2008. Cả 02 con chung vẫn đang ở cùng vợ chồng tại khu 5, xã S. Chị xác định có đủ các điều kiện để nuôi dạy con vì vậy sau khi ly hôn chị yêu cầu đ- ợc trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng cả 02 con chung và hiện tại chị không yêu cầu anh H cấp d- ỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị P trình bày chị và anh Vi Mạnh H có tài sản là nhà cấp 4 trên đất đứng tên vợ chồng tại khu 5, xã S mà hiện nay vợ chồng đang sinh sống (đất bố mẹ để chị cho), ngoài ra không còn tài sản gì có giá trị. Tài sản chung sau này sẽ để cho các con vì vậy chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác chị P trình bày chị và anh Vi Mạnh H không có nên không yêu cầu

\* Bị đơn là anh Vi Mạnh H có mặt tại phiên tòa trình bày như sau: Về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn và thời gian vợ chồng chung sống đúng nh- chị Đỗ Thị P đã trình bày ở trên. Vợ chồng chung sống cho đến năm 2021 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do chị P có sự thay đổi về tình cảm vì vậy cũng có lần anh đánh và đập điện thoại của chị P. Anh không muốn việc ly hôn nh- ng nếu chị P kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn với chị Đỗ Thị P.

- Về con chung: Anh Vi Mạnh H trình bày anh và chị Đỗ Thị P có với nhau 02 con chung đúng như chị P đã trình bày. Cả 02 con chung vẫn đang ở chung cùng với anh và chị P. Khi ly hôn, con ở với ai thì anh đề nghị theo ý kiến nguyện vọng của các con.

- Về tài sản chung anh Vi Mạnh H không yêu cầu giải quyết.

- Về vay nợ chung, công sức đóng góp anh Vi Mạnh H xác nhận anh và chị Đỗ Thị P không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Vi Mạnh H đã được thông báo triệu tập nhưng vắng mặt và chị P cũng không yêu cầu hòa giải vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Trong giai đoạn xét xử, chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị P và anh Vi Mạnh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, do bất đồng về cách sống và vợ chồng thiếu sự tin tưởng vào tình cảm của

nhau là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn. Cả hai lại không có biện pháp tích cực, phù hợp để cùng nhau giải quyết khắc phục bất đồng làm cho cuộc sống chung không được hòa thuận, hôn nhân không có hạnh phúc và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, do vậy yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau ly hôn: Chị P và anh H có 02 con chung như đã trình bày ở trên. Về phía chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung, còn anh H đề nghị theo ý kiến nguyện vọng của các con. Tòa án cũng đã trực tiếp hỏi ý kiến nguyện vọng của các con thì các con đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ và thực tế thì chị P cũng có đủ các điều kiện cần thiết để chăm sóc nuôi dưỡng các con vì vậy sau khi ly hôn giao cho chị P được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là đảm bảo được quyền lợi cho các con và phù hợp nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không yêu cầu cấp dưỡng vì vậy trong vụ án này không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Chị P và anh H đều không yêu cầu nên không giải quyết.

[5]. Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác chị P và anh H đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Đỗ Thị P là nguyên đơn nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của đương sự. Giao cả 02 con chung cho chị P được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Xử:** Cho chị Đỗ Thị P và anh Vi Mạnh H được ly hôn.

**\* Về nuôi con chung sau ly hôn:** Giao cho chị Đỗ Thị P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là Vi Thị Ph- ơng N; sinh ngày 03/9/2006 và Vi Văn H; sinh ngày 06/3/2008. *(Cả 02 con chung hiện đang ở với anh H và chị P tại khu 5, xã S, huyện Thanh Ba).*

Anh Vi Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

\* Về tài sản chung không yêu cầu nên không giải quyết.

\* Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

\* Về án phí: Chị Đỗ Thị P nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị P đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0003367 ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Đ, h. T;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Tạ Hồng Tuấn**